TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2023/DS-PT
Ngày 12 – 01 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Hoàng

Ông Nguyễn Thành Lập

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 307/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 258/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Mạc Văn D1, sinh năm 1967 (có mặt);

2. Bà Ngươn Thu T1, sinh năm 1969 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Huyền Trân, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số 338/5A, đường Quang Trung, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Mạc Văn D2, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hồ Thị D3, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C . (Giấy ủy quyền ngày 18/5/20210 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Mạc Vũ L1, sinh năm 1998 (vắng mặt);

2. Anh Mạc Thắng L2, sinh năm: 2002 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

3. Ông Huỳnh Văn R, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh C.

4. Ông Mạc Văn T2, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

5. Bà Mạc Thị L3, sinh năm 1963 (vắng mặt);

6. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1952 (vắng mặt);

7. Bà Huỳnh Thị E1, sinh năm 1955 (vắng mặt);

8. Ông Mạc Văn T3, sinh năm 1954 (vắng mặt);

9. Bà Mạc Thị L4, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C.

10. Ông Huỳnh Văn C1, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp b, xã T, huyện C, tỉnh C

11. Bà Mạc Thị C2, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

12. Ông Mạc Văn N, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh C.

13. Ông Mạc Văn D4, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Chổ ở hiện nay: Tổ 10, ấp L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

- *Người kháng cáo*: Ông Mạc Văn D2 là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu trinh trình bày:

Cha, mẹ của ông D1 là cụ Lê Thị Kim (tên gọi khác là Kiêm, mất năm 2020) và cụ Mạc Văn Lẫm (mất năm 1976). Cụ Lê Thị Kim có một phần đất diện tích

15.300 m^2. Năm 1994, cụ Kim có nhận chuyển nhượng của cụ Huỳnh Văn Châu phần đất 3.456 m^2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Trước khi cụ Kim chết có lập di chúc, tại Tờ duy chúc ngày 30/12/2012 do ông Mạc Văn D2 trực tiếp ghi để những anh chị em có mặt thống nhất cho ông D1 toàn bộ phần 02 phần đất gồm phần đất mua của Huỳnh Văn Châu và phần đất do ông Mạc Văn D1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, những người có mặt gồm Mạc Văn D4, Mạc Văn D2, Mạc Văn D1, Mạc Văn Cà ký tên, còn những chữ ký còn lại là do ông Mạc Văn D2 ký thay, Tờ duy chúc bản gốc do ông D1 đang giữ.

Tại biên bản thỏa thuận chia đất ngày 15/3/2021, có ông Nguyễn Văn Trực – Trưởng ấp chứng kiến, anh chị em trong gia đình thống nhất chia phần đất mặt tiền và phần đất của ông D1 đứng tên trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho bà Mạc Thị L3 ngang 5m dài từ mặt tiền đến hậu đất, phần còn lại chia hai từ tiền đến hậu để Mạc Văn D1 và Mạc Văn D2 mỗi người quản lý 1/2. Mọi người có mặt thống nhất gồm Mạc Văn D2, Mạc Văn D1, Mạc Văn D4, Mạc Thị C2, Mạc Thị L4 và biên bản thì do con của ông D2 là Mạc Vũ L1 trực tiếp ghi. Biên bản thỏa thuận chia đất là do ông D2 đang giữ.

Nay ông D2 về xây dựng nhà trên phần đất ông D1 đã được mẹ cho, nên ông D1, bà T1 yêu cầu ông D2 trả lại phần đất đã xây dựng với diện tích theo đo đạt thực tế là 84,6m^2.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D1, bà T1 đồng ý giao cho ông Mạc Văn D2 ½ giá trị phần đất mà gia đình Lê Thị Kim đã chuyển nhượng của cụ Huỳnh Văn Châu với giá trị = 150.000.000 đồng và giá trị căn nhà của ông D2 theo kết quả định giá là 81.605.160 đồng và rút lại yêu cầu về bồi thường thiệt hại do ông D2 gây ra số tiền 45.000.000 đồng.

Bị đơn, ông Mạc Văn D2 trình bày:

Phần đất ông D1 quản lý diện tích 3.456m^2 là của ông sang nhượng của cụ Huỳnh Văn Châu vào năm 1991; ông sử dụng và quản lý đến năm 2012 thì ông đi làm ăn nên ông cho vợ chồng ông D1 mượn canh tác để nuôi mẹ là bà Lê Thị Kim. Đến năm 2020, cụ Kim chết, ông về lấy đất canh tác nhưng vợ chồng ông D1 không trả vì cho rằng cụ Kim đã di chúc cho vợ chồng ông D1 toàn bộ đất. Ông quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 2020 cho đến nay. Do hoàn cảnh khó khăn, ông không yêu cầu giám định các giấy tờ ông D1 cung cấp.

Nay, ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông D1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Mạc Văn T2 trình bày:

Mẹ ông là cụ Lê Thị Kim có sang nhượng 01 phần đất của cụ Huỳnh Văn Châu. Sau khi chuyển nhượng, gia đình thống nhất cho Mạc Văn D1 quản lý.

Ông Mạc Văn D1 khởi kiện Mạc Văn D2 là đúng. Vì, mẹ và các anh em ông thống nhất cho ông D1 phần đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn Châu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Mạc Thị L4 trình bày:

Biên bản thỏa thuận chia đất ngày 15/3/2021, Tờ duy chúc ngày 30/01/2012 và Giấy cho đất người chủ trì Lê Thị Kim ngày 16/02/2013, bà không tham gia và không ký tên vào các loại giấy tờ này.

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do cụ Lê Thị Kim nhận chuyển nhượng của cụ Huỳnh Văn Châu. Sau khi nhận chuyển nhượng, mẹ bà và ông D2 quản lý; khi ông D2 ly hôn, gia đình mới kêu Mạc Văn D1 về quản lý để nuôi dưỡng cụ Kiêm.

Đối tranh chấp giữa Đầy và Đâu, bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Văn R trình bày: Ông Huỳnh Văn R là con ruột cụ Huỳnh Văn Châu, cụ Châu đã mất năm 1997. Cụ Châu có sang nhượng lại cho gia đình cụ Lê Thị Kim 01 phần, phần còn lại giao cho ông R quản lý. Phần đất chuyển nhượng cho gia đình cụ Kim, hiện nay do ông D1 quản lý và 01 phần đang có tranh chấp giữa ông D1 với ông D2. Đối với chữ ký "Rơi" và "Huỳnh Văn R" trong giấy sang nhượng hoàn toàn không phải là chữ ký của ông.

Chữ ký "Rơi" trong "giấy cho đất ngày 16/02/2013" giống chữ ký của ông R, nhưng ông R không nhớ có ký vào văn bản này hay không, do thời gian đã lâu nên không nhớ chính xác được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Huỳnh Thị E1 trình bày: Bà là con ruột của cụ Huỳnh Văn Châu, là vợ ông Mạc Văn T3, con dâu thứ 2 của cụ Lê Thị Kim. Bà không ký tên vào "giấy sang nhượng và quyền sử dụng đất ngày 25/02/1991. Khi cha bà sang bán đất cho Lê Thị Kim thì không có lập giấy sang bán gì, khi giao dịch mua bán thì cụ Kiêm đưa vàng cho bà để giao lại cho cụ Châu, rồi giao đất cho cụ Kiêm quản lý.

Bà không ký tên vào Tờ duy chúc ngày 30/01/2021 và giấy cho đất ngày 16/02/2013 âm lịch. Bà không có ý kiến gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Văn C1 trình bày: Ông C1 là con của cụ Huỳnh Văn Châu. Khi còn sống, cụ Châu có cho ông 01 phần; sau đó gia đình thống nhất lấy phần đất của ông được cho chuyển nhượng cho gia đình cụ Lê Thị Kim. Do phần đất, cụ Châu đứng tên nên cụ Châu đứng ra sang nhượng; việc sang nhượng có lập giấy tờ gì không thì ông không biết, do ông không có chứng kiến việc sang nhượng. Chữ ký "Ca" thể hiện trong giấy chuyển nhượng không phải chữ ký của ông, vì ông không biết chữ.

Ông không có ý kiến gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu T1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Mạc Văn D2.

Buộc ông Mạc Văn D2 giao cho vợ chồng ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu T1 quyền sử dụng phần đất với diện tích theo đo đạc thực tế là 84,6m^2 và căn

nhà trên đất tọa lạc tại ấp Bào Vũng – xã Tân Hưng – huyện Cái Nước – tỉnh Cà Mau.

Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu Trịnh: Vợ chồng ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu Trịnh có trách nhiệm giao cho ông Mạc Văn D2 với số tiền là 150.000.000 đồng và giá trị căn nhà với số tiền là 81.605.160 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2022, ông Mạc Văn D2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau có quyết định số 03/QĐ-VKS-DS quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án số: 130/2022/QĐ-ST ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước. Đề nghi cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu T1 về việc yêu cầu ông Mạc Văn D2 trả diện tích đất là 84,6m^2 và căn nhà trên đất. Đình chỉ giải quyết đối với phần ông D1 rút yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Mạc Văn D2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Tại các biên bản hòa giải tại địa phương, các đương sự thống nhất giao phần đất nhận chuyển nhượng của cụ Châu cho ông D2 sử dụng. Theo sổ mục kê năm 2003 và 2015 do ông Mạc Văn D2 đăng ký kê khai. Hơn nữa, tờ chia đất ngày 16/02/2013, các đương sự thống nhất chia phần đất ra làm 2 phần, ông D1 và ông D2 mỗi người một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa án sơ thẩm. Miễn án phí cho ông D2 theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: Không tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Châu. Cụ Châu chuyển nhượng cho cụ Kiêm. Việc chuyển nhượng đất không lập thành văn bản nhưng các con của cụ Châu thống nhất xác nhận cụ Châu chuyển nhượng đất cho cụ Kiêm. Ông D2 là ông D1 mâu thuẩn gay gắt nên không thể sống gần nhau được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Giữ y án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ông Mạc Văn D1 tranh luận: Không tranh luận.

Bà Ngươn Thu T1 tranh luận: Không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa

đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Mạc Văn D2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Mạc Văn D2, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Mạc Văn D1, bà Ngươn Thu T1 khởi kiện yêu cầu ông Mạc Văn D2 trả phần đất đã xây dựng nhà diện tích 84,6 m^2, thuộc thửa số 289, tờ bản đồ số 8 (Bản đồ chỉnh lý năm 2017), tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

[2] Nguồn gốc phần đất tranh chấp, ông D1 và ông D2 thống nhất phần đất tranh chấp là một phần trong diện tích 3.456 m^2 đã nhận chuyển nhượng của cụ Huỳnh Văn Châu. Ông D1 cho rằng, cụ Châu chuyển nhượng cho cụ Lê Thị Kim; còn ông D2 cho rằng, ông D2 nhận chuyển nhượng đất của cụ Châu. Những người làm chứng là ông Mạc Văn T2, bà Mạc Thị L4 (là anh em với ông D1 và ông D2) và ông Huỳnh Văn R, ông Huỳnh Văn C1, bà Huỳnh Thị E1 (là con của cụ Châu) đều xác nhận: Cụ Châu chuyển nhượng cho cụ Kim. Tuy nhiên, trình bày này là không có giấy tờ chứng minh, chỉ là những chứng cứ thuật lại. Trong khi, ông D2 có cung cấp giấy sang nhượng đất của cụ Châu cho ông D2 vào năm 1991. Giấy sang nhượng có nội dung cụ Châu chuyển nhượng cho ông D2 phần đất có diện tích 3.456 m^2 và ông D2 là người giao vàng. Sau khi nhận chuyển nhượng, phần đất này do ông D2 đứng tên sổ mục kê năm 2003 và 2015. Hơn nữa, biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau ngày 01 tháng 10 năm 2020 và Tờ trình về việc chuyển hồ sơ vụ tranh chấp đất (BL 13-15) thể hiện: ông D1 thừa nhận phần đất nhận chuyển nhượng của cụ Châu diện tích 3.456 m^2 là do ông D2 đứng tên giấy sang nhượng và thừa nhận phần đất này của ông D2. Như vậy, năm 1991, ông D2 nhận chuyển nhượng phần đất của cụ Châu là có cơ sở.

[3] Mặc dù, ông D2 nhận chuyển nhượng đất của cụ Châu nhưng ông D2 đồng ý nhập tài sản trên vào tài sản của cụ Kim và giao cho cụ Kim được quyền quản lý toàn bộ thể hiện: Ngày 08 tháng 9 năm 2003, cụ Kim cho ông D2 toàn bộ phần đất, bao gồm phần đất ông D2 nhận chuyển nhượng của cụ Châu (BL 100). Ngày 30 tháng 01 năm 2012 và ngày 03 tháng 02 năm 2012 (BL 312, 314), cụ Kim lại lập di chúc cho ông D1 toàn bộ diện tích đất (BL 312, 314) và ngày 16 tháng 02 năm 2013, cụ Kim tiếp tục làm tờ chia đất cho ông D2 diện tích 9.072 m^2, chia cho ông D1 diện tích đất 5.508 m^2 (BL 98). Các giấy tờ trên đều có ông D2 và ông D1 ký tên. Như vậy, phần đất ông D2 nhận chuyển nhượng của cụ Châu, ông D2 đã giao cho cụ Kim quản lý.

[4] Xét, Tờ di chúc của cụ Kim lập ngày 30 tháng 01 năm 2012 có nội dung cho đất cho ông D1 toàn bộ phần đất. Tuy nhiên, Tờ chia đất ngày 16 tháng 02 năm 2013 được cụ Kim lập sau nên đã thay thế Tờ di chúc lập ngày 30 tháng 01

năm 2012 và Tờ di chúc ngày 03 tháng 02 năm 2012 của cụ Kim theo quy định tại Điều…. Bộ luật dân sự. Ông D2 cất nhà trên diện tích đất 84,6 m^2 thuộc ½ diện tích đất mà ông D2 đã nhận chuyển nhượng của cụ Châu và thuộc phần đất cụ Kim đã cho ông D2 nên không có lấn chiếm đất của ông D1, bà T1. Do đó, ông D1, bà T1 kiện yêu cầu ông D2 trả phần đất 84,6 m^2 là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này.

[5] Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông D1, bà T1 chỉ yêu cầu ông D2 trả phần đất diện tích 84,6 m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D1, bà T1 tự nguyện trả ½ giá trị phần đất diện tích 2.801,5 m^2 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm lại ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả cho bị đơn 1/2 giá trị phần đất diện tích 2.801,5 m^2 là đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, việc ghi nhận này đã ảnh hưởng đến quyền định đoạt về tài sản của cụ Kim; ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông D1. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông D2 không đồng ý nhận giá trị đất vì cho rằng, phần đất này là của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm về phần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trả cho bị đơn ½ giá trị phần đất diện tích 2.801,5 m^2 với số tiền 150.000.000 đồng của án sơ thẩm. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại số tiền 45.000.000 đồng nên Đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

[6] Ngoài ra, tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông D2 và bà D3 trả đất nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà D3 tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn của vụ án là có sai sót. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kiện đòi đất của nguyên đơn nên việc đưa thiếu bà D3 cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà D3 nên không cần hủy án sơ thẩm.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông D2. Chấp nhận một phần kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sửa bản án dân sự sơ số: 130/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Không chấp nhận yêu cầu của ông Mạc Văn D1, bà Ngươn Thu T1 kiện đòi ông Mạc Văn D2 phần đất 86,4 m^2. Hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung: Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu Trịnh: Vợ chồng ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu Trịnh có trách nhiệm giao cho ông Mạc Văn D2 với số tiền là 150.000.000 đồng.

[8] Chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của ông D1, bà T1 không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu chi phí đo đạc 6.205.000 đồng và chi phí định giá số tiền 5.500.000 đồng. Tổng cộng nguyên đơn phải chịu 11.705.000 đồng, đã nộp xong.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn D1 không được chấp nhận nên ông D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mạc Văn D2 không phải chịu án phí.

[11] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Mạc Văn D2.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 130/2022/DS-ST ngày 6/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm về việc: Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu Trịnh: Vợ chồng ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu Trịnh có trách nhiệm giao cho ông Mạc Văn D2 với số tiền là 150.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn D1 và bà Ngươn Thu T1 về việc yêu cầu ông Mạc Văn D2 trả phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 84,6m^2, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh C ..

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn D1, bà Ngươn Thu T1 về việc yêu cầu ông Mạc Văn D2 bồi thường thiệt hại số tiền 45.000.000 đồng đồng.

Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Ông Mạc Văn D1, bà Ngươn Thu T1 phải chịu toàn bộ số tiền 11.705.000 đồng, đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mạc Văn D1 phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng. Ông D1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006219 ngày 16/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mạc Văn D2 không phải chịu án phí. Ngày 07/9/2022, ông D2 có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008341 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung